

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2026/DS-ST.

Ngày: 23/4/2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Ngọc Hồng

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 368/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2026/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2026/QĐST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Địa chỉ: Số A, L, phường Y, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: **Ông Lưu Trung T** - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Vạn P

CCCD: A

- Ông Nguyễn Hoài N

CCCD: B

- Ông Nguyễn Khắc H

CCCD: C

- Ông Nguyễn Quang H1

CCCD: D

Địa chỉ: Tầng C, Tòa nhà M, phường T, Quận N, Thành phố Cần Thơ (nay là phường N, Thành phố Cần Thơ).

Theo Văn bản ủy quyền số 498/UQ-MBAMC ngày 25/3/2025

2. *Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1*, sinh năm: 1972.

CCCD: E

Địa chỉ: Số A, T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Ông N có mặt. Bà T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị T1 có vay tiền của Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh H2 theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số: 187818.20.704.8659746.TD ngày 02/12/2020 và Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số LTI20328000655.ST02/LD2033755731 ngày 02/12/2020 với các nội dung cụ thể như sau: Số tiền cho vay: 856.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 240 tháng. Thời hạn rút vốn vay: 24 tháng kể từ ngày 25/11/2020. Mục đích vay: vay thanh toán tiền mua bất động sản thửa đất số 615, tờ bản đồ số 5, tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh). Lãi suất trong hạn tại ngày giải ngân: 10,7%/năm. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả lãi: 10%/năm. Nợ gốc thanh toán trong 240 kỳ (mỗi kỳ 01 tháng) vào ngày 05 hàng tháng, từ kỳ 01 đến kỳ 239 mỗi kỳ thanh toán số tiền 3.567.000đồng, riêng kỳ thứ 240 thanh toán 3.487.000đồng. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 05/01/2021. Lãi trả định kỳ vào ngày 05 hàng tháng. Phương thức giải ngân: chuyển khoản. Ngày giải ngân: 02/12/2020.

Bên cạnh đó, bà Nguyễn Thị T1 còn đăng ký phát hành thẻ tín dụng tại ngân hàng theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/11/2020. Ngân hàng đồng ý cấp thẻ cho bà Nguyễn Thị T1 ngày 02/12/2020: Loại thẻ JVB, VISA; Hạn mức tín dụng thẻ được cấp là 50.000.000đồng; Lãi suất 27%/năm. Ngân hàng đã giao thẻ cho bà T1 vào ngày 17/12/2020.

Các Hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 202069.20.704.8659746.BD ngày 16/12/2020. Hợp đồng được công chứng ngày 16/12/2020 tại Văn phòng C, tỉnh Long An và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/12/2020 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Long An. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 614, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: xã T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh); diện tích: 96m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng: lâu dài; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 522349, sổ vào sổ cấp GCN: CS04477 do Sở

Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 24/5/2019, cập nhật chuyển nhượng ngày 10/12/2020 cho bà Nguyễn Thị T1.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị T1 đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ dẫn đến khoản vay bị quá hạn. Tính đến ngày 08/10/2025, bà Nguyễn Thị T1 chỉ trả được cho MB số tiền nợ gốc 99.917.576 đồng, nợ lãi 190.627.744 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm để xử lý theo đúng quy định nhưng bà T1 không thực hiện. Do đó, nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 23/4/2026 là 1.176.559.640 đồng gồm:

- Dư nợ theo Hợp đồng cho vay số: 187818.20.704.8659746.TD ngày 02/12/2020 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LTI20328000655.ST02/LD2033755731 ngày 02/12/2020 là 1.077.141.516 đồng gồm tiền nợ gốc: 756.082.424 đồng, nợ lãi trong hạn: 248.667.429 đồng, nợ lãi quá hạn: 32.879.913 đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 39.511.750 đồng.

- Dư nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/11/2020 là 99.418.124 đồng gồm tiền nợ gốc 47.418.124 đồng, nợ lãi 52.000.000 đồng.

Buộc bà T1 tiếp tục trả lãi theo lãi suất quá hạn thỏa thuận quy định tại các hợp đồng nêu trên. Kể từ ngày bản án có hiệu lực, trường hợp bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà T1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập bà Nguyễn Thị T1 tới Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà Nguyễn Thị T1 không đến, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q, buộc bà Nguyễn Thị T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 23/4/2026 là 1.176.559.640 đồng bao gồm số tiền vay 1.077.141.516 đồng gồm tiền nợ gốc: 756.082.424 đồng, nợ lãi trong hạn: 248.667.429 đồng, nợ lãi quá hạn: 32.879.913 đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 39.511.750 đồng; dư nợ Thẻ tín dụng là 99.418.124 đồng gồm tiền nợ gốc: 47.418.124 đồng, nợ lãi: 52.000.000 đồng. Bà T1 phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 187818.20.704.8659746.TD ngày 02/12/2020; Giấy đề nghị kiêm hợp

đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/11/2020 kể từ ngày 24/4/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp bà T1 không trả nợ thì Ngân hàng M có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP Q khởi kiện bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu trả số tiền 1.176.559.640 đồng. Xét quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Q và bà Nguyễn Thị T1 là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Bà Nguyễn Thị T1 có địa chỉ cư trú tại xã T, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị T1.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Hợp đồng cho vay số: 187818.20.704.8659746.TD ngày 02/12/2020, Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số LTI20328000655.ST02/LD2033755731 ngày 02/12/2020, Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/11/2020 giữa Ngân hàng TMCP Q với bà Nguyễn Thị T1 được ký kết bằng văn bản, trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[2.2] Đối với yêu cầu trả số tiền 1.077.141.516 đồng theo Hợp đồng cho vay số: 187818.20.704.8659746.TD ngày 02/12/2020 và Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số LTI20328000655.ST02/LD2033755731 ngày 02/12/2020: xét thấy Ngân hàng TMCP Q đã thực hiện việc giải ngân số tiền 856.000.000 đồng cho bà T1 theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số: 187818.20.704.8659746.TD vào ngày 02/12/2020. Việc bà T1 không thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng về việc trả lãi và vốn cho Ngân hàng TMCP Q là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số: 187818.20.704.8659746.TD ngày 02/12/2020, căn cứ vào khoản 9.4 Điều 9 Hợp đồng cho vay số: 187818.20.704.8659746.TD ngày 02/12/2020, Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu buộc bà T1 trả số tính đến ngày 23/4/2026 là 1.077.141.516 đồng gồm tiền nợ gốc: 756.082.424 đồng, nợ lãi trong hạn: 248.667.429 đồng, nợ lãi quá hạn: 32.879.913 đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 39.511.750 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 24/4/2026 đến ngày bà T1 trả tất nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số: 187818.20.704.8659746.TD ngày 02/12/2020 là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu trả toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng Dư nợ thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/11/2020 tính đến ngày 23/4/2026 số tiền 99.418.124 đồng: xét thấy Ngân hàng

TMCP Q đã thực hiện việc cấp thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị T1 theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/11/2020 và giao thẻ cho bà T1 vào ngày 17/12/2020. Việc bà T1 sử dụng thẻ thực hiện các giao dịch nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thông báo của ngân hàng đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Điều 9 Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/11/2020 nên Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu bà T1 trả toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 23/4/2026 là 99.418.124 đồng gồm tiền nợ gốc 47.418.124 đồng, nợ lãi 52.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 24/4/2024 đến ngày bà T1 trả tất nợ cho Ngân hàng TMCP Q theo lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/11/2020 là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.4] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ: xét thấy bà Nguyễn Thị T1 vay tiền của Ngân hàng TMCP Q có bảo đảm bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 202069.20.704.8659746.BD ngày 16/12/2020. Hợp đồng được công chứng ngày 16/12/2020 tại Văn phòng C, tỉnh Long An và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/12/2020 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Long An. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất: 614, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: xã T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh); diện tích: 96m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng: lâu dài; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 522349, số vào sổ cấp GCN: CS04477 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 24/5/2019, cập nhật chuyển nhượng ngày 10/12/2020 cho bà Nguyễn Thị T1.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên được giao kết trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Việc Ngân hàng TMCP Q yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng là có cơ sở, phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng nên được chấp nhận.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên chi phí tố tụng trong vụ án là 400.000 đồng bà Nguyễn Thị T1 phải chịu và có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền trên.

[4] Căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí đối với yêu cầu được chấp nhận của nguyên đơn = 36.000.000đồng + 3% x (1.176.559.640 đồng – 800.000.000đồng) = 47.296.800đồng.

[5] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 3 Điều 26, điểm 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, Điều 147 và Điều 227, Điều 228, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 100 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng;

- Các Điều 317, 318, 319, 320, 323, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q: Buộc bà Nguyễn Thị T1 chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tính đến ngày 23/4/2026 là 1.176.559.640 (*Một tỷ một trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi*) đồng gồm:

- Dư nợ theo Hợp đồng cho vay số: 187818.20.704.8659746.TD ngày 02/12/2020 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LTI20328000655.ST02/LD2033755731 ngày 02/12/2020 là 1.077.141.516 (*Một tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu một trăm bốn mươi một nghìn năm trăm mười sáu*) đồng gồm tiền nợ gốc: 756.082.424 (*Bảy trăm năm mươi sáu triệu không trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi bốn*) đồng, nợ lãi trong hạn: 248.667.429 (*Hai trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi chín*) đồng, nợ lãi quá hạn: 32.879.913 (*Ba mươi hai triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm mười ba*) đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 39.511.750 (*Ba mươi chín triệu năm trăm mười một nghìn bảy trăm năm mươi*) đồng.

- Dư nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/11/2020 là 99.418.124 (*Chín mươi chín triệu bốn trăm mười tám nghìn một trăm hai mươi bốn*) đồng gồm tiền nợ gốc 47.418.124 (*Bốn mươi bảy triệu bốn trăm mười tám nghìn một trăm hai mươi bốn*) đồng, nợ lãi 52.000.000 (*Năm mươi hai triệu*) đồng.

Kể từ ngày 24/4/2026, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Nguyễn Thị T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 202069.20.704.8659746.BD ngày 16/12/2020 (Hợp đồng được công chứng ngày 16/12/2020 tại Văn phòng C, tỉnh Long An và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/12/2020 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Long An). Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và

tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 614, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: xã T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh); diện tích: 96m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng: lâu dài; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 522349, số vào sổ cấp GCN: CS04477 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 24/5/2019, cập nhật chuyển nhượng ngày 10/12/2020 cho bà Nguyễn Thị T1 để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ bán và xử lý tài sản bảo đảm, tài sản khác không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ và dùng các tài sản hợp pháp khác của bên vay vốn để trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

2. Chi phí tố tụng trong vụ án là 400.000 (*Bốn trăm nghìn*) đồng bà Nguyễn Thị T1 phải chịu và có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền trên.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị T1 phải chịu là 47.296.800 (*Bốn mươi bảy triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm*) đồng.

Thi hành án dân sự tỉnh V hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.829.000 (*Hai mươi hai triệu tám trăm hai mươi chín nghìn*) đồng theo biên lai số 0007671 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 5-Vĩnh Long.
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- Phòng THADS khu vực 5.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Lương Thị Thùy Dương